

Bản án số: 105/2023/HNGĐ-ST
Ngày 04-12-2023
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Huyền Thanh

Ông Vũ Xuân Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2023/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé G, sinh năm 1991 (xin vắng).

Địa chỉ: 2, đường T, khóm E, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Ngô Trường G1, sinh năm 1988 (xin vắng).

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Vào năm 2010 qua thời gian tìm hiểu nên bà G và ông G1 tiến đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng đến nay vợ chồng bà vẫn chưa đăng ký kết hôn.

Sau khi thành hôn vợ chồng bà sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do ông G1 không chăm lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, bỏ bê gia đình. Nhiều lần bà G khuyên can nhưng ông G1 vẫn không sửa đổi. Dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung.

Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng có hàn gắn hôn nhân nhưng không đạt kết quả. Nay tình cảm vợ chồng

không thể tồn tại, đời sống chung không đạt hạnh phúc nên bà **G** yêu cầu ly hôn với ông **Ngô Trường G1**.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên **Ngô Tường V** (Nữ), sinh ngày 16/12/2011. Từ khi sống ly thân thì **Tường V** sống với bà **G** nên khi ly hôn bà **G** yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông **G1** cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Thời điểm kết hôn như bà **G** trình bày là đúng. Sau khi cưới vợ chồng ông bà sống hạnh phúc nhưng từ năm 2022 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên ông bà sống ly thân. Trong thời gian ly thân ông có hàn gắn hôn nhân với bà **G** nhưng bà **G** không đồng ý. Nay bà **G** cương quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên **Ngô Tường V** (Nữ), sinh ngày 16/12/2011. Từ khi sống ly thân thì **Tường V** sống với bà **G**, nay bà **G** yêu cầu được tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn thì ông đồng ý, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

- Về tài sản chung: Ông **G1** tự thỏa thuận, phân chia với bà **G** nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà **Nguyễn Thị Bé G** yêu cầu ly hôn với ông **Ngô Trường G1**, đây là tranh chấp xin ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông **Ngô Trường G1** có nơi cư trú tại **khóm C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau** nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà **Nguyễn Thị Bé G** và ông **Ngô Trường G1** có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu này của bà **G** và ông **G1** là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Bé G** và ông **Ngô Trường G1** thành hôn nhau vào năm 2010 đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xuyên bất hòa do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà **G** và ông **G1** sống ly thân từ năm 2022 đến nay, trong thời gian ly thân giữa hai đương sự vẫn không khắc phục được mâu thuẫn.

Hội đồng xét xử xét thấy việc bà G và ông G1 chung sống với nhau như vợ chồng mà không đi đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, hôn nhân của bà G và ông G1 không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Bé G và ông Ngô Trường G1.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Ngô Trường V (Nữ), sinh ngày 16/12/2011. Tại biên bản ghi lời trình bày của đương sự cháu Trường V có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu Trường V giao cháu Ngô Trường V (Nữ), sinh ngày 16/12/2011 cho bà G trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp.

Ông G1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng, tài sản chung và công nợ: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*", do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, bà Nguyễn Thị Bé G phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà G được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Bé G và ông Ngô Trường G1.

- Về con chung: Giao cháu Ngô Trường V (Nữ), sinh ngày 16/12/2011 cho bà G trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông G1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng, tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Bé G phải chịu. Ngày 19 tháng 10 năm 2023, bà G đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016315 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, bà G không phải nộp thêm.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Khánh